

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng
Dự án: Hồ chứa nước Suối Đá, huyện Nghĩa Hành (giai đoạn 2)
Địa điểm : Xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019 ;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung

Căn cứ Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020-2024);

Căn cứ Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, công cộng để phát triển kinh tế - xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 80/2021/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành đơn giá cây trồng để thực hiện việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong năm 2022;

Căn cứ Thông báo số 211/TB-UBND ngày 18/11/2021 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Hồ chứa nước Suối Đá, huyện Nghĩa Hành;

Căn cứ Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt bổ sung các công trình dự án vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Nghĩa Hành;

Căn cứ quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Hồ chứa nước Suối Đá, xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành;

Căn cứ Công văn số 3983/STC-QLGCS ngày 05/10/2022 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi về việc Thông báo đơn giá gạo tẻ thường quý IV/2022 để làm cơ sở tính hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hành về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Hồ chứa nước Suối Đá, huyện Nghĩa Hành;

Căn cứ Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Hồ chứa nước Suối Đá, huyện Nghĩa Hành;

Căn cứ Quyết định số 5617/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 và Quyết định số 4654/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phê duyệt đơn giá vận dụng để tính bồi thường cây trồng (cây hàng năm) chưa có đơn giá trong quy định của UBND tỉnh tại Quyết định số 80/2021/QĐ-UBND phục vụ công tác bồi thường, GPMB dự án Hồ chứa nước Suối Đá huyện Nghĩa Hành (đợt 2);

Xét đề nghị của Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Nghĩa Hành tại Tờ trình số 367/TTr-BQL ngày 27/12/2022 v/v đề nghị thẩm định và phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng dự án: Hồ chứa nước Suối Đá, huyện Nghĩa Hành (giai đoạn 2), và đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo thẩm định số 65/BC-TNMT ngày 30/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng dự án: Hồ chứa nước Suối Đá, huyện Nghĩa Hành (giai đoạn 2). Địa điểm: Xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành, cụ thể như sau:

1. Địa điểm thực hiện: Xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành.

2. Chủ đầu tư: UBND huyện Nghĩa Hành.

Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Nghĩa Hành.

3. Đơn vị thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng:

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Nghĩa Hành.

4. Tổng diện tích đất thu hồi: 200.215,1 m²

Trong đó:

- Diện tích nằm trong quy hoạch bồi thường, hỗ trợ: 171.906,7 m²

- Diện tích nằm trong quy hoạch không bồi thường, hỗ trợ: 28.308,4 m²

5. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 26.718.636.944 đồng.

(Bằng chữ: Hai mươi sáu tỷ, bảy trăm mười tám triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, chín trăm bốn mươi bốn đồng)

Bao gồm:

a. Bồi thường, hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân và tổ chức có tài sản bị ảnh hưởng: 26.143.480.376 đồng.

Trong đó:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất:	4.317.845.000 đồng;
- Bồi thường cây cối hoa màu:	7.424.089.898 đồng;
- Bồi thường về vật kiến trúc, mồ mã:	133.831.578 đồng;
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:	13.714.143.900 đồng;
- Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	553.570.000 đồng;

b. Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ: 522.869.608 đồng;

c. Chi phí tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm và thu hồi đất: 52.286.961 đồng;

6. Tổng số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng: 57.

Trong đó: + Tổ chức: 01;

+ Hộ gia đình, cá nhân: 56.

7. Nguồn vốn thực hiện: Trích từ nguồn vốn của dự án: Hồ chứa nước Suối Đá, huyện Nghĩa Hành.

Điều 2: Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện thực hiện những nhiệm vụ:

- Phối hợp với UBND xã Hành Tín Tây niêm yết công khai Quyết định này để hộ gia đình, cá nhân và tổ chức được biết; thực hiện chi trả cho các hộ dân và thanh quyết toán nguồn kinh phí, bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

- Khi chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện phối hợp với UBND xã Hành Tín Tây có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để chuyển cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh huyện Nghĩa Hành làm thủ tục thu hồi, chỉnh lý hồ sơ địa chính (nếu có).

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4: Chánh văn phòng huyện; Trưởng các phòng: Tài chính – Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế Hạ tầng; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện; Giám đốc văn phòng ĐKDD tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh huyện Nghĩa Hành; Chủ tịch UBND xã Hành Tín Tây và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

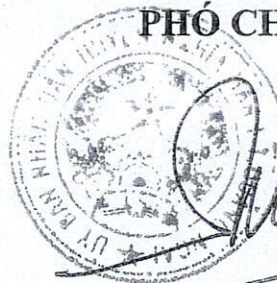
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT. HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT/UBND huyện;
- Văn phòng huyện;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Tuấn

UBND HUYỆN NGHĨA HÀNH
BQL DỰ ÁN ĐẦU TƯ XD&PTQĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ TÀI SẢN
BỊ ÁNH HƯỞNG KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN: HỒ CHỨA NƯỚC SUỐI ĐÁ, HUYỆN NGHĨA HÀNH (GIAI ĐOẠN 2)
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ HÀNH TÍN TÂY, HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI
(Quyết định số 7820/QĐ-UBND ngày 30/12/2022) & số 822/ĐD-UBND ngày 31/12/2022
(ĐVT: Đồng)

TT	Họ và tên chủ hộ	Giá trị được bồi thường, hỗ trợ						Hỗ trợ đất công ích xã, thị trấn	Tổng tiền	BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 2	BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 3	Ký nhận
		Diện tích đất thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất	Nhà, Công trình phục vụ đời sống, mồ mã	Cây cối hoa màu	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	0=4+5+6+7+8+	11	12	13
1	Hộ Ông: Trần Xuân Cẩm	1.262,4	40.396.800	0	60.720.000	5.287.500	121.190.400	0	227.594.700	227.594.700		Đã nhận
2	Hộ Ông: Nguyễn Thuyền	7.147,1	131.477.200	0	502.850.000	1.410.000	456.936.600	0	1.092.673.800	1.092.673.800		Đã nhận
3	Hộ Ông: Lê Cường	2.361,7	49.800.400	0	167.750.000	2.115.000	165.970.200	0	385.635.600	91.609.600		Đã nhận
4	Hộ Ông: Võ Hồng Cường	9.707,8	310.649.600	0	493.255.000	8.460.000	931.948.800	0	1.744.313.400	1.744.313.000		Đã nhận
5	Hộ Ông: Dương Chiến	8.132,5	238.103.200	0	408.110.000	1.762.500	728.540.400	0	1.376.516.100	1.155.036.000		Đã nhận
6	Hộ Ông: Nguyễn Đạo	5.765,2	121.336.600	0	276.815.000	25.380.000	404.606.100	0	828.137.700	583.911.700		Đã nhận
7	Hộ Ông: Bùi Thái Khoa	19.783,7	596.090.400	0	742.151.300	29.610.000	1.812.049.200	0	3.179.900.900	3.179.900.900		Đã nhận
8	Hộ Ông: Nguyễn Thiệp	536,7	17.174.400	18.459.528	25.800.000	2.115.000	51.523.200	0	115.072.128	115.072.000		Đã nhận
9	Hộ Ông: Nguyễn Hiệp	7.180,0	229.760.000	0	410.590.000	25.380.000	689.280.000	0	1.355.010.000	1.355.010.000		Đã nhận
10	Hộ Ông: Phạm Bông	2.312,0	73.984.000	0	11.733.400	12.690.000	221.952.000	0	320.359.400	192.160.000		Đã nhận
11	Hộ Bà: Phạm Thị Gút	4.442,1	119.887.200	18.459.528	28.965.565	16.920.000	373.971.600	0	558.203.893	423.497.000		Đã nhận
12	Hộ Bà: Phạm Thị Mế	2.118,9	67.804.800	0	10.753.418	13.960.000	203.414.400	0	295.932.618	295.932.600		Đã nhận
13	Hộ Ông: Phạm Tùng	1.199,6	38.387.200	0	5.626.653	16.920.000	115.161.600	0	176.095.453	176.095.000		Đã nhận

TT	Họ và tên chủ hộ	Giá trị được bồi thường, hỗ trợ						Hỗ trợ đất công ích xã, thị trấn	Tổng tiền	BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 2	BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 3	Ký nhận
		Diện tích đất thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất	Nhà, Công trình phục vụ đời sống, mô mã	Cây cối hoa màu	Hư tổn định đời sống và ổn định sản xuất	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	0=4+5+6+7+8+	11	12	
14	Hộ Ông: Phạm Rế	1.680,4	53.772.800	0	8.714.893	12.690.000	161.318.400	0	236.496.093	236.496.000		Nguyễn Thị Ngọc
15	Hộ Ông: Bùi Quốc Đạt	6.397,4	118.824.000	0	355.810.665	6.345.000	411.688.800	0	892.668.465	892.668.000		Ông Bùi Quốc Đạt
16	Hộ Ông: Phạm Văn Tộc	1.189,9	38.076.800	0	6.038.743	4.230.000	114.230.400	0	162.575.943	162.575.900		Nguyễn Văn Tộc
17	Hộ Ông: Phạm Học	591,9	18.940.800	0	3.003.893	4.230.000	56.822.400	0	82.997.093	82.997.000		Nguyễn Văn Học
18	Hộ Bà: Phạm Thị Sung	612,6	19.603.200	0	3.108.945	6.345.000	58.809.600	0	87.866.745	87.866.700		Nguyễn Thị Sung
19	Hộ Ông: Phạm Phôn	1.196,7	38.294.400	0	2.374.593	25.380.000	114.883.200	0	180.932.193	180.932.000		Nguyễn Văn Phôn
20	Hộ Ông: Phạm Tranh	1.390,1	44.483.200	0	7.141.473	12.690.000	133.449.600	0	197.764.273	197.764.000		Phạm Tranh
21	Hộ Ông: Phạm Lan	1.093,6	34.995.200	0	5.550.020	16.920.000	104.985.600	0	162.450.820	125.849.000		Phạm Lan
22	Hộ Ông: Phạm Văn Tròn	1.029,3	32.937.600	0	5.223.698	4.230.000	98.812.800	0	141.204.098	141.204.000		Phạm Văn Tròn
23	Hộ Bà: Phạm Thị Ghi	776,3	24.841.600	0	3.939.723	4.230.000	74.524.800	0	107.536.123	107.536.000		Phạm Thị Ghi
24	Hộ Ông: Phạm Đê	286,0	9.152.000	0	1.451.450	8.460.000	27.456.000	0	46.519.450	0		Phạm Đê
25	Hộ Bà: Trần Thị Chi	5.429,1	173.731.200	0	328.596.500	10.575.000	521.193.600	0	1.034.096.300	1.034.096.000		Trần Thị Chi
26	Hộ Ông: Phạm Đình Kiên	5.364,2	96.555.600	0	263.115.000	4.935.000	337.944.600	0	702.550.200	702.550.000		Phạm Đình Kiên
27	Hộ Ông: Trương Thịnh	6.434,9	115.828.200	0	209.770.000	6.345.000	405.398.700	0	737.341.900	737.341.900		Trương Thịnh
28	Hộ Ông: Phạm Sy	2.018,0	64.576.000	0	47.060.000	16.920.000	193.728.000	0	322.284.000	322.284.000		Phạm Sy
29	Hộ Ông: Nguyễn Văn Tư	6.428,9	115.720.200	27.689.292	411.050.000	4.230.000	405.020.700	0	963.710.192	817.765.000		Nguyễn Văn Tư
30	Hộ Ông: Phạm Văn	2.015,1	64.483.200	0	10.226.633	6.345.000	193.449.600	0	274.504.433	274.504.000		Phạm Văn

TT	Họ và tên chủ hộ	Giá trị được bồi thường, hỗ trợ						Hỗ trợ đất công ích xã, thị trấn	Tổng tiền	BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 2	BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 3	Ký nhận
		Diện tích đất thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất	Nhà, Công trình phục vụ đời sống, mô mã	Cây cối hoa màu	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp					
		3	4	5	6	7	8	9	0=4+5+6+7+8+	11	12	13
1	2											
31	Hộ Ông: Phạm Lôi	695,5	22.256.000		3.529.663	16.075.000	66.768.000	0	108.628.663	108.628.600		Phạm Lôi
32	Hộ Ông: Nguyễn Văn Thanh	4.336,0	78.048.000		251.430.000	1.762.500	273.168.000	0	604.408.500			Nguyễn Văn Thanh
33	Hộ Bà: Phạm Thị Thu	2.138,0	68.416.000		10.850.350	11.845.000	205.248.000	0	296.359.350	296.359.000		Nguyễn Thị Thu
34	Hộ Ông: Phạm Voi	930,0	29.760.000		4.719.750	9.730.000	89.280.000	0	133.489.750	133.489.700		Nguyễn Voi
35	Hộ Bà: Phạm Thị Tem	854,0	27.328.000		4.334.050	0	81.984.000	0	113.646.050			
36	Hộ Ông: Hồ Văn Duyên	713,0	22.816.000		3.618.475	8.460.000	68.448.000	0	103.342.475			
37	Hộ Ông: Phạm Anh	1.169,0	37.408.000		5.932.675	21.150.000	112.224.000	0	176.714.675			
38	Hộ Bà: Phạm Thị Đẹp	1.346,8	43.097.600		6.835.010	8.460.000	129.292.800	0	187.685.410			
39	Hộ Ông: Phạm Héch	240,0	7.680.000		1.218.000	4.230.000	23.040.000	0	36.168.000			
40	Hộ Ông: Phạm Xĩa	794,5	25.424.000		4.032.088	6.345.000	76.272.000	0	112.073.088			Trần Phạm Xĩa
41	Hộ Ông: Phạm Tré	1.139,4	36.460.800		5.782.455	21.150.000	109.382.400	0	172.775.655	172.755.600		Nguyễn Tré
42	Hộ Ông: Phạm Ngọc	680,5	21.776.000		3.453.538	25.380.000	65.328.000	0	115.937.538	115.937.500		Nguyễn Ngọc
43	Hộ Bà: Phạm Thị Thành	2.956,6	94.611.200		15.094.628	16.920.000	283.833.600	0	410.459.428	410.459.000		Nguyễn Thị Thành
44	Hộ Ông: Nguyễn Tứ	1.205,4	21.697.200		57.840.000	705.000	75.940.200	0	156.182.400	156.182.000		Nguyễn Tứ
45	Hộ Ông: Nguyễn Hoàng	1.303,1	30.234.600	13.844.646	6.786.000	2.820.000	98.073.900	0	151.759.146	64.499.600		Nguyễn Hoàng
46	Hộ Ông: Ngô Văn Vinh	400,3	7.205.400		15.900.000	705.000	25.218.900	0	49.029.300			
47	Hộ Ông: Huỳnh Vạn	518,8	9.338.400		4.968.000	2.115.000	32.684.400	0	49.105.800			
48	Hộ Ông: Quách Văn Tuyên	19.788,6	356.194.800		1.379.271.000	10.575.000	1.246.681.800	0	2.992.722.600			

TT	Họ và tên chủ hộ	Giá trị được bồi thường, hỗ trợ						Hỗ trợ đất công ích xã, thị trấn	Tổng tiền	BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 2	BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 3	Ký nhận
		Diện tích đất thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất	Nhà, Công trình phục vụ đời sống, mở mã	Cây cối hoa màu	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	0=4+5+6+7+8+	11	12	13
49	Hộ Ông: Trương Sĩng	1.726,7	31.080.600	0	100.050.000	8.460.000	108.782.100	0	248.372.700			
50	Hộ Ông: Phạm Sơn	1.236,9	22.264.200	0	6.435.000	16.920.000	77.924.700	0	123.543.900	123.543.900		Phạm Sơn Sơn
51	Hộ Ông: Ngô Văn Hoàng	130,6	2.350.800	0	689.000	1.762.500	8.227.800	0	13.030.100	0		
52	Hộ Ông: Đỗ Minh Thông	7.448,7	134.076.600	0	476.510.000	16.920.000	469.268.100	0	1.096.774.700	1.096.774.700		Thị Đỗ Minh Thông
53	Hộ Bà: Trần Thị Nga	2.460,7	44.292.600	0	167.450.000	12.690.000	155.024.100	0	379.456.700	379.456.700		Đàn Thị Nga
54	Hộ Ông: Võ Tấn Lai	967,4	17.413.200	0	65.790.000	2.820.000	60.946.200	0	146.969.400	146.969.000		Võ Tấn Lai
55	Hộ Ông: Phạm Văn Trưa	617,0	19.744.000	0	3.131.275		59.232.000	0	82.107.275	82.107.000		Phạm Văn Trưa
56	Hộ Ông: Phạm Hùng	225,1	7.203.200	0	1.142.383	8.460.000	21.609.600	0	38.415.183	0		
57	Hộ Ông: Phạm Đồi			41.533.938					41.533.938	41.533.900		
58	Hộ Bà: Phạm Thị Tập			13.844.646					13.844.646	13.844.600		
Tổng cộng:		171.906,7	4.317.845.000	133.831.578	7.424.089.898	553.570.000	13.714.143.900	0	26.143.480.376	20.079.776.600	0	
		Tổng cộng(làm tròn):							20.079.776.000			

Nghĩa Hành, ngày 22 tháng 3 năm 2023.

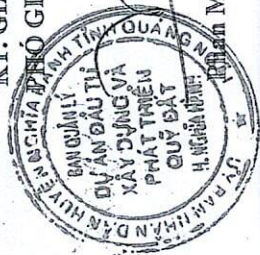
BQL DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PTQĐ

KT. GIÁM ĐỐC

KT. GIÁM ĐỐC

Người lập

Lâm Ngọc Châm



Phạm Minh Thời

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

UBND HUYỆN NGHĨA HÀNH
BQL DỰ ÁN ĐẦU TƯ XD&PTQP

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ TÀI SẢN
BỊ ẢNH HƯỞNG KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN: HỒ CHỨA NƯỚC SUỐI ĐÁ, HUYỆN NGHĨA HÀNH (GIAI ĐOẠN 2)
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ HÀNH TÍN TÂY, HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

TT	Họ và tên chủ hộ	Giá trị được bồi thường, hỗ trợ						Tổng tiền	Đã nhận đợt 1	Nhận đợt 2	Ký Nhận	
		Diện tích đất thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất	Nhà, Công trình phục vụ đời sống, mô mã	Cây cối hoa màu	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp					
1	2	3	4	5	6	7	8	10=4+5+6+7+8+9	11	12	13	
1	Hộ Ông: Lê Cường	2.361,7	49.800.400	0	167.750.000	2.115.000	165.970.200	385.635.600	91.609.600	294.026.000		ngân sách bản kết quả
2	Hộ Ông: Nguyễn Đạo	5.765,2	121.336.600	0	276.815.000	25.380.000	404.606.100	828.137.700	583.911.700	244.226.000		Đu
3	Hộ Ông: Phạm Bông	2.312,0	73.984.000	0	11.733.400	12.690.000	221.952.000	320.359.400	192.160.000	128.199.000		Bong
4	Hộ Ông: Phạm Đê	286,0	9.152.000	0	1.451.450	8.460.000	27.456.000	46.519.450		46.519.000		Đê phạm Đê
5	Hộ Ông: Nguyễn Văn Tư	6.428,9	115.720.200	27.689.292	411.050.000	4.230.000	405.020.700	963.710.192	817.765.000	145.944.800		Nguyễn Văn Tư
6	Hộ Bà: Phạm Thị Tem	854,0	27.328.000	0	4.334.050	0	81.984.000	113.646.050		113.646.000		Phạm Thị Tem
7	Hộ Ông: Hồ Văn Duyên	713,0	22.816.000	0	3.618.475	8.460.000	68.448.000	103.342.475		103.342.000		Hồ Văn Duyên
8	Hộ Ông: Phạm Anh	1.169,0	37.408.000	0	5.932.675	21.150.000	112.224.000	176.714.675		130.812.700		Phạm Anh
9	Hộ Bà: Phạm Thị Đẹp	1.346,8	43.097.600	0	6.835.010	8.460.000	129.292.800	187.685.410		120.672.000		Phạm Thị Đẹp
10	Hộ Ông: Phạm Hềch	240,0	7.680.000	0	1.218.000	4.230.000	23.040.000	36.168.000		36.168.000		Phạm Hềch

11	Hộ Ông: Nguyễn Hoàng	1.303,1	30.234.600	13.844.646	6.786.000	2.820.000	98.073.900	151.759.146	64.499.500	87.259.500	Nguyễn Hoàng
12	Hộ Ông: Quách Văn Tuyền	19.788,6	356.194.800	0	1.379.271.000	10.575.000	1.246.681.800	2.992.722.600		794.108.600	Quách Văn Tuyền
Tổng cộng:		42.568,3	894.752.200	41.533.938	2.276.795.060	108.570.000	2.984.749.500	6.306.400.698	1.749.945.100	2.244.923.600	

Lập biểu

Lâm Ngọc Chín

Nghĩa Hành, ngày 23 tháng 6 năm 2023

BỘ LƯU AN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PTQĐ

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Thới

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ TÀI SẢN
BỊ ẢNH HƯỞNG KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN: HỒ CHỨA NƯỚC SUỐI ĐÁ, HUYỆN NGHĨA HÀNH (GIAI ĐOẠN 2)
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ HÀNH TÍN TÂY, HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

TT	Họ và tên chủ hộ	Giá trị được bồi thường, hỗ trợ					Tổng tiền	CHI ĐỢT 3	Ký nhận
		Diện tích đất thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất	Nhà, Công trình phục vụ đời sống, mô mã	Cây cối hoa màu	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp		
1	Hộ Ông: Nguyễn Văn Thanh	4.336,0	78.048.000	0	251.430.000	1.762.500	273.168.000	604.408.500	300.000.000
2	Hộ Ông: Phạm Anh	1.169,0	37.408.000	0	5.932.675	21.150.000	112.224.000	176.714.675	45.902.000
3	Hộ Bà: Phạm Thị Đẹp	1.346,8	43.097.600	0	6.835.010	8.460.000	129.292.800	187.685.410	67.013.000
4	Hộ Ông: Phạm Xia	794,5	25.424.000	0	4.032.088	6.345.000	76.272.000	112.073.088	112.073.000
5	Hộ Ông: Quách Văn Tuyên	19.788,6	356.194.800	0	1.379.271.000	10.575.000	1.246.681.800	2.992.722.600	1.466.730.000
	Tổng cộng:	27.434,9	540.172.400	0	1.647.500.773	48.292.500	1.837.638.600	4.073.604.273	1.991.718.000

Nghĩa Hành, ngày 11 tháng 11 năm 2023
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD & PTQĐ

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lập biểu

Lâm Ngọc Chín

Phạm Minh Thời

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ TÀI SẢN
BỊ ẢNH HƯỞNG KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN: HỒ CHỨA NƯỚC SÚI ĐÁ, HUYỆN NGHĨA HÀNH (GIAI ĐOẠN 2)
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ HÀNH TÍN TÂY, HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

TT	Họ và tên chủ hộ	Giá trị được bồi thường, hỗ trợ						Tổng tiền	CHI ĐỢT 3	Ký nhận
		Diện tích đất thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất	Nhà, Công trình phục vụ đời sống, mô mã	Cây cối hoa màu	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp			
1	2	3	4	5	6	7	8	10=4+5+6+7+8+9		13
1	Hộ Ông: Nguyễn Văn Thanh	4.336,0	78.048.000	0	251.430.000	1.762.500	273.168.000	604.408.500	300.000.000	Nguyễn Văn Thanh
2	Hộ Ông: Phạm Anh	1.169,0	37.408.000	0	5.932.675	21.150.000	112.224.000	176.714.675	45.902.000	Nguyễn Văn Thanh
3	Hộ Bà: Phạm Thị Đẹp	1.346,8	43.097.600	0	6.835.010	8.460.000	129.292.800	187.685.410	67.013.000	Nguyễn Văn Thanh
4	Hộ Ông: Phạm Xía	794,5	25.424.000	0	4.032.088	6.345.000	76.272.000	112.073.088	112.073.000	Nguyễn Văn Thanh
5	Hộ Ông: Quách Văn Tuyền	19.788,6	356.194.800	0	1.379.271.000	10.575.000	1.246.681.800	2.992.722.600	1.466.730.000	Nguyễn Văn Thanh
	Tổng cộng:	27.434,9	540.172.400	0	1.647.500.773	48.292.500	1.837.638.600	4.073.604.273	1.991.718.000	

Nghĩa Hành, ngày 11 tháng 11 năm 2023
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐĐT&PTQT
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lập biểu
Lâm Ngọc Chín

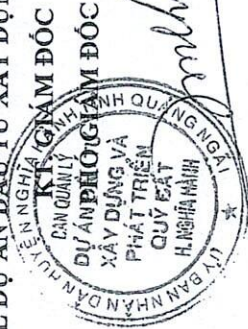


BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ TÀI SẢN
BỊ ẢNH HƯỞNG KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN: HỒ CHỨA NƯỚC SƯỜI ĐÁ, HUYỆN NGHĨA HẠNH (GIAI ĐOẠN 2)
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ HÀNH TÍN TÂY, HUYỆN NGHĨA HẠNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

TT	Họ và tên chủ hộ	Theo Quyết định phê duyệt Phương án số 7820/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 (Số tiền)	Giá trị được bồi thường, hỗ trợ					Tổng tiền (Đã chi lần 1)	Tổng tiền (Đã chi lần 2)	Tổng tiền (Chi lần 3 ngày 29/11/2023)	Ký nhận
			Diện tích đất thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất	Cây cối hoa màu	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp				
1	Hộ Ông: Quách Văn Tuyền	2.992.722.600	19.788,6	356.194.800	1.379.271.000	10.575.000	1.246.681.800	794.106.952	1.466.729.963	59.996.800	<i>Quách Văn Tuyền</i>

Nghĩa Hành, ngày 29 tháng 11 năm 2023

BQL DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PTQĐ



Người Lập

Lâm Ngọc Chín

Lâm Ngọc Chín

Phan Minh Thời

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ TÀI SẢN
BỊ ẢNH HƯỞNG KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN: HỒ CHỨA NƯỚC SÚỐI ĐÁ, HUYỆN NGHĨA HÀNH (GIAI ĐOẠN 2)
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ HÀNH TÍN TÂY, HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

(Quyết định số 8229/QĐ-UBND ngày 31/12/2022)

(ĐVT: Đồng)

TT	Họ và tên chủ hộ	Giá trị được bồi thường, hỗ trợ						Tổng tiền	BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 2 (Điều chỉnh)	Ký nhận
		Diện tích đất thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất	Nhà, Công trình phục vụ đời sống, mở mã	Cây cối hoa màu	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	Điều chỉnh giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=4+5+6+7	11
7	Hộ Ông: Bùi Thái Khoa	19.783,7	596.090.400	0	742.151.300	29.610.000	1.812.049.200	166.446.000	3.179.900.900	1.534.297.700
	Tổng cộng:	19.783,7	596.090.400	0	742.151.300	29.610.000	1.812.049.200	166.446.000	3.179.900.900	1.534.297.700

Người lập

Lâm Ngọc Chín

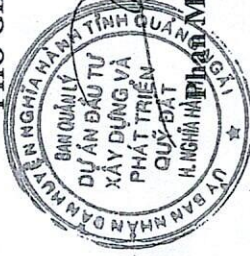
Lâm Ngọc Chín

Nghĩa Hành, ngày 24...tháng 12... năm 2023.

BQL DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PTQĐ

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Thời